CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/QuangQuân/2019

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đồng Văn – huyện Duy Tiên - tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.2474363. Fax: 0226.3583050.
E-mail: congtyquangquan@gmail.com.

CÔNG BỐ:

Sản phẩm: Khay nhựa PET
Xuất xứ: CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN
Địa chỉ: Khu CN Đồng Văn – huyện Duy Tiên - tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 0226.2474363. Fax: 0226.3583050.
E-mail: congtyquangquan@gmail.com.

Hà Nam, năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/QuangQuân/2019

I. Thông tin tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ: Khu CN Đồng Văn – huyện Duy Tiên - tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 0226.2474363. Fax: 0226.3583050.
E-mail: congtyquangquan@gmail.com.
- Mã số doanh nghiệp: 0604000020 ; Ngày cấp: 03/09/2007
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Đối tượng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Nghị định số 15/2018-NĐ-CP của Chính phủ.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Khay nhựa PET**
2. Thành phần: Hạt PET nguyên sinh.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng đóng thành từng túi PE, có dãn nhãn cho từng bao theo từng mã sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng (có phụ lục đính kèm).

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn sản phẩm theo phụ lục đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty TNHH Quang Quân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 12-1:2011/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh về bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nam, ngày 10 tháng 10 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

SĐKKD: 0604000020 - CTTNHH - CÔNG TY T.N.H.H QUANG QUÂN - H. DUY TIÊN - T. HÀ NAM

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Tuấn

Phụ lục 1: Mẫu nhãn sản phẩm

CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ: Khu CN Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
ĐT:022 62474363 Fax: 022 63583050

CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN
QCVN 12-1:2011/BYT

Tên hàng hóa: Khay nhựa PET

Mã sản phẩm	:	……. Số lượng: ……. Cái
Nơi sản xuất	:	KCN Đồng Văn – Duy Tiên – Hà Nam.
Ngày sản xuất	:	……..
Thời hạn sử dụng	:	01 năm từ ngày sản xuất.
Thành phần	:	Hạt PET nguyên sinh.
Thông số Kỹ thuật	:	……..
Hướng dẫn bảo quản	:	Bảo quản nơi khô ráo, không để nơi có nhiệt độ cao trên 60ºC.
Hướng dẫn sử dụng	:	Dùng để chứa, đựng thực phẩm (sử dụng một lần).
Thông tin cảnh báo		Không sử dụng chứa các loại thực phẩm nóng trên 60ºC.
Sản phẩm phù hợp	:	QCVN 12-1: 2011/BYT.
Tự công bố số	:	02/QuangQuân/2019.

Phụ lục 2: Mã sản phẩm

STT	Mã	Chỉ số sản phẩm đóng gói
1	2TP5PETKH0000	45g (0.0261)
2	2TP5PETKH0001	70g
3	2TP5PETKH0002	1600c/bao
4	2TP5PETKH0003	128g (0.0063)
5	2TP5PETKH0004	192g (0.0195)
6	2TP5PETKH0005	155g (3 que)
7	2TP5PETKH0006	800c/bao
8	2TP5PETKH0007	Trọng lượng (0.0393)
9	2TP5PETKH0009	200c/bao
10	2TP5PETKH0010	400c/bao
11	2TP5PETKH0011	Trọng lượng (0.0161)
12	2TP5PETKH0012	(0.0366) 250x250x60- Metro 250C/bao PET (25*25*6)
13	2TP5PETKH0014	250x250x60- Metro 250C/bao PET (25*25*6)
14	2TP5PETKH0015	800c/bao, (15.5*14.8*5)
15	2TP5PETKH0016	100g (PET), 2000c/bao
16	2TP5PETKH0017	400c/bao (0.0145)
17	2TP5PETKH0018	200g (0.0083)
18	2TP5PETKH0019	Trọng lượng (0.0101) 1600c/b
19	2TP5PETKH0020	500g (0.0101)
20	2TP5PETKH0021	400g (1000c/bao)
21	2TP5PETKH0022	300c/b PET (0.0175)
22	2TP5PETKH0023	600g mỏng - 300C/B-PET
23	2TP5PETKH0024	Trọng lượng (0.0203) (28*20*4.5)
24	2TP5PETKH0025	Trọng lượng (0.0203) (19.25*19.5*5)
25	2TP5PETKH0026	Nắp hộp bánh QQ03 PET 600c/b
26	2TP5PETKH0027	Đáy hộp bánh QQ03 PET -600c/b
27	2TP5PETKH0028	Trọng lượng (27*20*5.5)
28	2TP5PETKH0029	(800c/b) (18.8*18.8*6)
29	2TP5PETKH0030	Trọng lượng 0.0053. 1000c/bao
30	2TP5PETKH0031	Trọng lượng 0.0044. 700c/bao
31	2TP5PETKH0033	6 ngăn-750c/ bao
32	2TP5PETKH0034	Trọng lượng 70g (2100) c/bao
33	2TP5PETKH0035	6000C/bao
34	2TP5PETKH0036	0.042; 5000c/bao
35	2TP5PETKH0037	0.0089, 2000c/bao
36	2TP5PETKH0038	bò khô to đại QĐạt (0.0075) PET
37	2TP5PETKH0039	0.0514; (420x180x12)
38	2TP5PETKH0040	(300x180x12) 5 zem

39	2TP5PETKH0041	2000c/bao (0.0037)
40	2TP5PETKH0042	1200c/bao (0.0053)
41	2TP5PETKH0046	180g (0.0325)
42	2TP5PETKH0048	3g (Hải Châu - 150c/b)
43	2TP5PETKH0049	324g Pet HH (0.0170) 0.3z (319x219x50) - 200c
44	2TP5PETKH0050	540g (0.0484)
45	2TP5PETKH0051	252g (0.0169)
46	2TP5PETKH0053	400g (PET) (0.0369)- Hải Hà 200c/b
47	2TP5PETKH0054	350g (PET) (0.0381) - Hải Hà 160c/b (300g cũ)
48	2TP5PETKH0055	300g; 0.0368 (PET)
49	2TP5PETKH0056	252g (12 cái (PET) (0.0352)
50	2TP5PETKH0057	200g Hải Hà 240c/b - 0.0243 (PET)
51	2TP5PETKH0058	3g (PET 3.5z - 0.0144)
52	2TP5PETKH0059	100g (0.0045) - (PET) - Hải Hà 900c/b
53	2TP5PETKH0060	180g (0.0117) 480c/b
54	2TP5PETKH0061	0.0164
55	2TP5PETKH0062	345g (0.0145) Hải Châu KT:240X110X60
56	2TP5PETKH0063	12g (PET-13.8kg/b - 500c/b)
57	2TP5PETKH0064	540c/bao
58	2TP5PETKH0065	350c/bao
59	2TP5PETKH0066	800c/bao (Hải Châu) 0.0085
60	2TP5PETKH0067	420c/bao, 900g
61	2TP5PETKH0068	250g - 150c/b
62	2TP5PETKH0069	(420g) PET (0.0510)
63	2TP5PETKH0070	Trọng lượng (0.0235) Việt Hưng 750c/b
64	2TP5PETKH0072	36 ô - 300 C/B - anh Chính- HD PET
65	2TP5PETKH0073	Trọng lượng 0.0125g
66	2TP5PETKH0074	Trọng lượng 0.0186g
67	2TP5PETKH0075	400c/bao
68	2TP5PETKH0076	75g- 640c/b (Hữu Nghị) PET 0,0077
69	2TP5PETKH0077	Trọng lượng 0.0116g
70	2TP5PETKH0078	Trọng lượng 0.0218g
71	2TP5PETKH0080	Trọng lượng 0.0074g
72	2TP5PETKH0081	350g (0.0250) (250x58) PET - 240c/b
73	2TP5PETKH0082	430g (0.0329)
74	2TP5PETKH0083	230g (260X130X65)
75	2TP5PETKH0084	210g (190x160x70)
76	2TP5PETKH0085	180g (150x75x50)
77	2TP5PETKH0086	Trọng lượng 0.0336g

78	2TP5PETKH0088	(0.0170)- 360c/b Hải Châu (PET)
79	2TP5PETKH0089	220g (0.0081)
80	2TP5PETKH0090	(0.0129) (230x115x57)- (Hải Châu)
81	2TP5PETKH0091	210c/bao
82	2TP5PETKH0092	2200C/bao
83	2TP5PETKH0093	0.0126 - 600c/b
84	2TP5PETKH0094	2700c/b PET
85	2TP5PETKH0095	125g PET - (0.0070)
86	2TP5PETKH0096	180g (0.0247)-270c/b (Hải Hà) - PET
87	2TP5PETKH0097	(2 ô-2750c/b) PET
88	2TP5PETKH0098	400c/bao
89	2TP5PETKH0101	15 ô - 400C/B-500C/B PET
90	2TP5PETKH0105	288g -180c/b (Hải Hà) - PET
91	2TP5PETKH0107	290g (0.0325) Hải Hà 160c/b- PET
92	2TP5PETKH0108	100g PET
93	2TP5PETKH0109	180g (0.0146)
94	2TP5PETKH0110	700c/b PET
95	2TP5PETKH0111	126g (0.0207)
96	2TP5PETKH0112	336g Pet (0.0282)- Tràng An
97	2TP5PETKH0113	420c/bao
98	2TP5PETKH0114	400g PET- Minh Ngọc HD/bao
99	2TP5PETKH0115	36 Ô - 255 C/B
100	2TP5PETKH0116	340g (PVC) (0.0170)
101	2TP5PETKH0121	Trọng lượng 0.0006g
102	2TP5PETKH0122	Trọng lượng 0.0128g
103	2TP5PETKH0124	mứt VT (6 zem) (0.0175) PET
104	2TP5PETKH0125	bánh tươi nhỏ (nắp Perika) (0.0198) PET
105	2TP5PETKH0126	1000C/B PET
106	2TP5PETKH0127	(0.0160) - 600C/B - Hữu Nghị PET
107	2TP5PETKH0128	195x270 PET 450c/b
108	2TP5PETKH0131	PVC (800c/b)- Metro PET (15*15*2)
109	2TP5PETKH0132	4000c/bao
110	2TP5PETKH0134	nắp socola 12 ô (PET-500c/b)
111	2TP5PETKH0135	đáy socola 12 ô (PET-500c/b)
112	2TP5PETKH0136	nắp socola 16 ô (PET-500c/b)
113	2TP5PETKH0137	đáy socola 16 ô (PET-500c/b)
114	2TP5PETKH0138	bút 4 ngòi (PET) - 180c/b
115	2TP5PETKH0139	bút 2 ngòi (PET) - 180c/b
116	2TP5PETKH0140	bút 5 ngòi (PET) - 210c/b

117	2TP5PETKH0173	đáy Gato H24 (0.0115) - 640C/B - Hữu Nghị PET
118	2TP5PETLY0001	400 PET (0.0079)
119	2TP5PETLY0002	500 PET (0.0096) - 1000c/b
120	2TP5PETNL0001	400g (0.0037)
121	2TP5PETTT0000	(105 x 105) - (0.0045)- 210g
122	2TP5PETTT0001	(Dẻo) (95 x 95)- (0.0037)
123	2TP5PETTT0002	(nướng) (95 x 95) - (0.0037)
124	2TP5PETTT0003	Trọng lượng (105 x105)
125	2TP5PETTT0004	210g (0.0045)
126	2TP5PETTT0005	Chợ Đáy đôn (95 x 95) - (0.0037)
127	2TP5PETTT0006	đáy đôn 210g (105 x105) - (0.0045)
128	2TP5PETTT0007	Chợ đáy bằng (95 x 95) - (0.0037)
129	2TP5PETTT0008	120g (0.0089) 1500c/b - Hữu Nghị
130	2TP5PETTT0009	60g/bao
131	2TP5PETTT0010	CP Hải Hà 150g 95 x 95
132	2TP5PETTT0011	TT 80x80x25 (0.0022) pet - Tràng an
133	2TP5PETTT0012	(Dẻo) - ĐB 95x95 x 40 - 1800c/b
134	2TP5PETTT0013	TT Hải Châu150g- đáy bằng (95 x95)
135	2TP5PETTT0014	TT- X22 150g (95 x 95)
136	2TP5PETTT0015	TT- CP Hải Hà 210g (105 x 105)
137	2TP5PETTT0016	(Lava) 60g mới
138	2TP5PETTT0017	Hải hà (80g) 75 x75 x 80
139	2TP5PETTT0018	(72 x 72) - PET (FOMATECH)
140	2TP5PETTT0019	H. Chợ Đáy đôn 210g (105x105)
141	2TP5PETTT0020	95x32 (0.0033)- 2400c/b PET
142	2TP5PETTT0021	Hữu Nghị 680g - (0.0250) 320c/b
143	2TP5PETTT0022	120g (0.0089) nướng - 1500c/b - Hữu Nghị
144	2TP5PETTT0023	Chợ đáy bằng 100g (80x80) - PET-2700c
145	2TP5PETTT0024	Hải Châu 85 x 85 x 80g - 2400c/b PET
146	2TP5PETTT0025	Tràng An (Nướng)- ĐĐ 95x95x40 - 1800c/b
147	2TP5PETTT0028	PET (0.0154) 800C/B - Tràng An
148	2TP5PETTT0029	(Q225) (0.0100) PET
149	2TP5PETTT0030	(Q250) (0.0160) PET
150	2TP5PETTT0031	(0.0190) - PET phy 195x270
151	2TP5PETTT0032	PET phy 220x50
152	2TP5PETTT0033	QQ164 x 90 (PET)
153	2TP5PETTT0034	138 pet (0.0050)
154	2TP5PETTT0035	Hữu Nghị đáy đôn (nướng) (95 x 95) - (Hải Châu)